

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 513 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam đã được Đại hội đại biểu lần thứ III (nhiệm kỳ 2023 - 2028) của Hội Trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 01 năm 2023 tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam, Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *sc*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Công an (C03, C06);
- Lưu: VT, TCPCP, MT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Chiến Thắng



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI TRÍ THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRẺ VIỆT NAM

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 513 /QĐ-BNV
ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Trí thức Khoa học và Công nghệ trẻ Việt Nam.
- Tên tiếng Anh: Vietnam Association of young scientists and Engineers.
- Tên viết tắt tiếng Anh: VAYSE.
- Biểu tượng của Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam (nếu có) được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tự nguyện của các tổ chức, công dân trẻ Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trẻ (hoạt động dựa trên các thành tựu khoa học công nghệ cao) và phục vụ thị trường công nghệ trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa hoạt động sáng tạo và ứng dụng, thương mại công nghệ trên phạm vi cả nước.

2. Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết trí thức trẻ Việt Nam ở trong và ngoài nước để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ sáng tạo, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, khuyến khích phát huy tính sáng tạo và tài năng phục vụ sự phát triển của thị trường công nghệ và hàng hóa, tạo sự đổi mới thiết thực và đóng góp có hiệu quả vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng (logo), tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Hội đặt tại: Số 32/136 phố Trung Liệt, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 02435371517; Email: Headquater@vayse.org. Khi cần thiết, Hội có thể thành lập Văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.



3. Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam là hội viên tổ chức của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trẻ và phát triển thị trường công nghệ trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa hoạt động sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động của Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ về lĩnh vực hoạt động chính và các Bộ, ngành khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản;
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền mục đích của Hội. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến nhiệm vụ của Hội. Bảo vệ danh dự, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực, nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề có liên quan đến sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, tư vấn, phản biện và cung cấp các luận cứ khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ trẻ nhằm góp phần vào việc xây dựng chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo quy định của pháp luật.

4. Cập nhật và cung cấp các thông tin về chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến khoa học và công nghệ trẻ cho các hội viên.

5. Tham gia, phối hợp với cơ quan chức năng bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trẻ theo quy định của pháp luật; phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trẻ theo quy định của pháp luật.

6. Được gây quỹ Hội trên cơ sở đóng góp hội phí của Hội viên và các nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn, phản biện và các dịch vụ khoa học công nghệ trẻ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

7. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ Nhà nước giao.

8. Xuất bản tạp chí và các ấn phẩm khác thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ trẻ theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức biểu dương, khen thưởng hội viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động về khoa học và công nghệ; giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm giữa các hội viên.

10. Thành lập và chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức, hoạt động, quản lý các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật phù hợp với Điều lệ và lĩnh vực hoạt động của Hội, báo cáo việc thành lập tổ chức pháp nhân với cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức hội nghị, hội thảo về khoa học công nghệ trẻ theo quy định của pháp luật. Trợ giúp hội viên trong nghiên cứu liên kết giữa kinh tế với khoa học công nghệ trẻ, góp phần phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế.

12. Được gia nhập các tổ chức quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động của Hội, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật và thông lệ quốc tế. Báo cáo Bộ Nội vụ và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của Hội trước khi ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội

1. Tổ chức các hoạt động của Hội theo đúng tôn chỉ, mục đích, Điều lệ của Hội và các quy định của pháp luật.

2. Chấp hành quy định của pháp luật và Điều lệ Hội trong quá trình tổ chức các hoạt động của Hội, các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, tạp chí, xuất bản, quyền tác giả, quyền liên quan và các quy định pháp luật khác có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ hội. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

3. Tổ chức tập hợp, đoàn kết, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội. Hỗ trợ hội viên cùng nhau làm tốt công tác phát triển lĩnh vực khoa học công nghệ và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trẻ ở Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

4. Tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên và cá nhân, tổ chức quan tâm theo quy định của pháp luật. Quản lý, hướng dẫn, giám sát hội viên



tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

5. Đại diện cho hội viên kiến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước về các chủ trương, chính sách, biện pháp liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ trẻ, công nghệ mới ở Việt Nam nhằm tạo điều kiện cho Hội phát triển ổn định và bền vững. Giới thiệu thành tựu và năng lực của các hội viên trong nghiên cứu, tư vấn, phản biện và ứng dụng khoa học và công nghệ trẻ, công nghệ mới vào các lĩnh vực của đời sống xã hội theo quy định của pháp luật.

6. Mở rộng quan hệ, hợp tác với các tổ chức, cá nhân, các chuyên gia trong nước và quốc tế để tham quan, gặp gỡ, trao đổi kiến thức, học thuật, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động của Hội và góp phần thúc đẩy khoa học và công nghệ trẻ, công nghệ mới phát triển phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật, thông lệ quốc tế.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện các công việc: Hoạt động hàng năm của Hội; tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường; thay đổi các chức danh lãnh đạo chủ chốt; thay đổi địa chỉ trụ sở; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thành lập Văn phòng đại diện và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.

8. Chấp hành sự hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Chịu trách nhiệm hòa giải các tranh chấp, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội và liên quan đến Hội, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội, hội viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và báo cáo kết quả xác minh, giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

10. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Hội; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và văn phòng đại diện; biên bản, nghị quyết các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra Hội.

11. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động Hội.

12. Quản lý và sử dụng tài sản, các nguồn tài chính của Hội hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III **HỘI VIÊN**

Điều 8. Hội viên và tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều này tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện nộp đơn xin gia nhập Hội và được Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định kết nạp;

b) Hội viên liên kết và hội viên danh dự: Các tổ chức, công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trẻ và phát triển thị trường công nghệ trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa hoạt động sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới và liên quan, có đóng góp tích cực cho sự phát triển của Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam nhưng không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện nộp đơn xin gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên tổ chức: Tổ chức có tư cách pháp nhân của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trẻ và phát triển thị trường công nghệ trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa hoạt động sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới được thành lập theo quy định của pháp luật, có đơn tự nguyện đăng ký tham gia hoạt động Hội. Đại diện hội viên tổ chức gia nhập Hội phải là công dân Việt Nam tham gia Hội lần đầu ở thời điểm từ đủ 18 tuổi đến dưới 45 tuổi và tham gia làm lãnh đạo Hội đến thời điểm không quá 65 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ chuyên môn phù hợp, có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt;

b) Công dân Việt Nam tham gia Hội lần đầu ở thời điểm từ đủ 18 tuổi đến dưới 45 tuổi và tham gia làm lãnh đạo Hội đến thời điểm không quá 65 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ chuyên môn về lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ, ươm tạo công nghệ mới, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ trẻ và phát triển thị trường công nghệ trên cơ sở liên kết chặt chẽ giữa hoạt động sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới, có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt đều có thể trở thành Hội viên chính thức của Hội.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành Điều lệ của Hội, các Nghị quyết Đại hội, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

2. Thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn uy tín và đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp.

3. Đoàn kết, xây dựng Hội phát triển vững mạnh vì lợi ích chung của Hội, hội viên và của đất nước; xây dựng quan hệ hợp tác, giúp đỡ giữa các hội viên.

4. Hội viên chính thức đóng Hội phí theo quy định của Hội, hội viên danh dự và hội viên liên kết không phải đóng hội phí và có thể vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ hoạt động của Hội.

5. Bảo vệ uy tín của Hội, không được tự ý nhân danh Hội hoặc đại diện Hội trong các quan hệ, giao dịch khi không được Hội phân công, giới thiệu bằng văn bản.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội, Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền của hội viên

1. Hội viên chính thức có quyền tham gia thảo luận, biểu quyết chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội, đề đạt, phát biểu ý kiến về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực, phạm vi hoạt động của Hội theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

2. Được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trong hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Được dự Đại hội, tham gia ứng cử, bầu cử vào các chức danh lãnh đạo, Ban Kiểm tra theo quy định của Hội.

3. Được chất vấn về mọi hoạt động của Hội. Được cử tham dự hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ công bố, đăng tải các công trình nghiên cứu khoa học trên tạp chí của Hội (nếu có) theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

4. Được ra khỏi Hội khi đã báo cáo với tổ chức Hội và tự xét thấy không thể tiếp tục tham gia làm hội viên.

5. Được giới thiệu công dân, tổ chức có đủ tiêu chuẩn tham gia làm hội viên và được hội xem xét khen thưởng nếu có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của Hội theo quy định của Hội, Điều lệ và quy định của pháp luật.

6. Được cấp thẻ “Hội viên Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam”. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể việc ấn hành, cấp phát và quản lý Thẻ hội viên.

7. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và ứng cử, bầu cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 11. Thủ tục và thẩm quyền kết nạp, thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục kết nạp hội viên:

a) Công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này, có nguyện vọng gia nhập Hội thì làm đơn gia nhập Hội theo mẫu do Hội quy định. Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định việc kết nạp hội viên. Thời gian gia nhập Hội của hội viên tính từ ngày quyết định kết nạp có hiệu lực thi hành.

b) Hồ sơ xin gia nhập Hội gồm:

- Đơn xin gia nhập Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam (theo mẫu);

- Bản sao bằng cấp nghề nghiệp (đối với cá nhân);

- Bản sao Điều lệ, các quy định của tổ chức xin gia nhập và quyết định cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền; danh sách lãnh đạo chủ chốt đại diện cho tổ chức tham gia hoạt động Hội (đối với hội viên tổ chức);

- Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

Tư cách hội viên sẽ bị chấm dứt hoặc bị xóa tên khỏi danh sách hội viên của Hội khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục tham gia hoạt động Hội. Trong trường hợp này, hội viên thông báo chính thức bằng văn bản cho văn phòng Hội trước (01) một tháng và phải nộp lại Thẻ hội viên;

b) Hội viên hoạt động trái với Điều lệ làm ảnh hưởng đến quyền lợi và uy tín của Hội;

c) Hội viên vi phạm pháp luật bị kết tội và phải chịu hình phạt khi có bản án kết tội của toà án có hiệu lực pháp luật;

d) Hội viên bị chết, mất tích, tước quyền công dân hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ) Tổ chức tự ngừng hoạt động, bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động hoặc bị mất tư cách pháp nhân, tuyên bố phá sản;

e) Hội viên không tham gia sinh hoạt hội trong 03 (ba) kỳ liên tiếp, không đóng hội phí trong thời gian từ 01 (một) năm trở lên mà không có lý do chính đáng.

3. Hội viên bị khai trừ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành Hội biểu quyết tán thành. Quyết định khai trừ hội viên có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Hội ký.

4. Văn phòng Hội có trách nhiệm đăng tải danh sách hội viên kết nạp mới và thông báo danh sách hội viên bị xóa tên công khai trên Website của Hội trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày quyết định xóa tên có hiệu lực.

5. Trước khi ra khỏi Hội, hội viên phải hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính (nếu có) với Hội.

6. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục vào Hội, ra khỏi Hội; quản lý việc cấp phát, sử dụng Thẻ hội viên.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng và các Ban chuyên môn.
6. Chi hội cơ sở thuộc Hội.



7. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Đại hội nhiệm kỳ và đại hội bất thường

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường (sau đây gọi chung là Đại hội). Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm 01 (một) lần do Ban Chấp hành Hội triệu tập. Thành phần, số lượng đại biểu tham dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội bất thường được Ban Chấp hành Hội triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên trong Ban Chấp hành Hội hoặc khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội đề nghị. Nội dung của Đại hội bất thường do Ban Chấp hành Hội quyết định.

3. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Xem xét, thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Báo cáo tài chính của Hội;

c) Thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu có);

d) Quyết định số và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

đ) Quyết định khen thưởng đối với hội viên của Hội;

e) Thảo luận và thông qua quyết định về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể Hội (nếu có);

g) Thông qua quyết định gia nhập các tổ chức xã hội - nghề nghiệp có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội (nếu có);

h) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội;

i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Việc lựa chọn hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín tại Đại hội do Đại hội quyết định;

b) Các Nghị quyết của Đại hội được biểu quyết thông qua khi được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành. Riêng trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc giải thể Hội thì phải được sự nhất trí của ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

5. Báo cáo kết quả Đại hội:

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày sau Đại hội, Hội gửi tài liệu báo cáo kết quả Đại hội đến Bộ Nội vụ và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành Hội do Đại hội quyết định và bầu trực tiếp tại Đại hội. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Chấp hành Hội họp định kỳ 01 (một) năm 01 (một) lần. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội có thể triệu tập họp hội nghị Ban Chấp hành Hội bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ để giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách của Hội hoặc khi có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội đề nghị. Chương trình, tài liệu hội nghị được gửi cho các ủy viên Ban Chấp hành Hội ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày dự định diễn ra hội nghị.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

a) Tổ chức triển khai và lãnh đạo thực hiện nghị quyết Đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành và Điều lệ Hội; lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội; xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác hàng năm và cả nhiệm kỳ của Hội theo nghị quyết Đại hội;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của Hội. Xây dựng và ban hành các quy chế của Hội: Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành; Quy chế hoạt động của Ban Thường vụ; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy định về việc kết nạp và xóa tên hội viên; Các quy định khác trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật;

d) Quyết định số lượng và bầu Ban Thường vụ; bầu, miễn nhiệm chức danh Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; bầu bổ sung Trưởng Ban kiểm tra Hội trong trường hợp khuyết Trưởng Ban kiểm tra giữa nhiệm kỳ. Số ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung hoặc thay thế trong nhiệm kỳ không được quá số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

đ) Phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức liên quan trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật để góp phần phát triển Hội;

e) Quyết định các vấn đề khác, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành Hội hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Các cuộc họp của Ban Chấp hành được xem là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số lượng ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành biểu quyết theo nguyên tắc quá bán, thiếu số phục tùng đa số. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội hoặc người chủ trì hội nghị. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay